

CHƯƠNG IV: THỐNG KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

4.1. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI VÀ ĐÁNH GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP:

4.1.1. Khái niệm:

Tài sản cố định trong doanh nghiệp là bộ phận tài sản có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài và khi tham gia vào quá trình sản xuất vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu nhưng giá trị của chúng đã bị giảm dần do chuyển vào giá trị sản phẩm dưới hình thức khấu hao TSCĐ.

4.1.2. Phân loại tài sản cố định (TSCĐ):

TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại, để thuận tiện cho công tác quản lý, công tác hạch toán và các nghiên cứu về TSCĐ ở doanh nghiệp, ta cần phải phân loại chúng theo các tiêu thức phù hợp với mục đích nghiên cứu.

4.1.3. Đánh giá TSCĐ:

- Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá (hay giá ban đầu hoàn toàn):
- Đánh giá TSCĐ theo giá ban đầu còn lại.
- Đánh giá TSCĐ theo giá khôi phục hoàn toàn.
- Đánh giá TSCĐ theo giá khôi phục còn lại

4.2. CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, KẾT CẤU, HIỆN TRẠNG VÀ TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH :

4.2.1. Thống kê số lượng TSCĐ:

a. Chỉ tiêu giá trị TSCĐ hiện có cuối kỳ báo cáo:

$$\text{TSCĐ hiện có cuối kỳ} = \text{TSCĐ có đầu kỳ} + \text{TSCĐ tăng trong kỳ} - \text{TSCĐ giảm trong kỳ}$$

b. Chỉ tiêu TSCĐ bình quân: có 2 phương pháp

- Phương pháp 1:

$$\bar{G} = \frac{\text{TSCĐ có đầu kỳ} + \text{TSCĐ có cuối kỳ}}{2}$$

- Phương pháp 2:

$$\bar{G} = \frac{\sum G_i t_i}{\sum t_i}$$

Trong đó:

- G_i : Giá trị TSCĐ có ở từng thời điểm
- t_i : Khoảng thời gian tương ứng có giá trị G_i
- $\sum t_i$: tổng thời gian nghiên cứu theo lịch

4.2.2. Thống kê kết cấu (tỷ trọng) TSCĐ:

$$\text{Tỷ trọng từng loại TSCĐ (\%)} = \frac{\text{Giá trị từng loại TSCĐ}}{\text{Giá trị toàn bộ TSCĐ}} \times 100\%$$

4.2.3. Thống kê hiện trạng TSCĐ:

Tổng số khấu hao đã trích (tổng số khấu hao lũy kế)

$$- \text{Hệ số hao mòn} = \frac{\text{TSCĐ}}{\text{Nguyên giá (Giá ban đầu hoàn toàn TSCĐ)}}$$

$$- \text{Hệ số còn sử dụng được TSCĐ} = 1 - \text{Hệ số hao mòn TSCĐ.}$$

4.2.4. Thống kê tình hình biến động TSCĐ:

a. Lập bảng cân đối TSCĐ.

b. Các chỉ tiêu phản ánh tình hình biến động TSCĐ:

$$- \text{Hệ số tăng TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị TSCĐ tăng trong kỳ}}{\text{Giá trị TSCĐ bình quân trong kỳ}}$$

$$- \text{Hệ số giảm TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị TSCĐ giảm trong kỳ}}{\text{Giá trị TSCĐ bình quân trong kỳ}}$$

$$- \text{Hệ số đổi mới} = \frac{\text{TSCĐ}}{\text{Giá trị tài sản cố định có cuối kỳ}}$$

$$- \text{Hệ số loại bỏ} = \frac{\text{TSCĐ}}{\text{Giá trị tài sản cố định có đầu kỳ}}$$

4.3. CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ MỨC ĐỘ TRANG BỊ VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH :

4.3.1. Các chỉ tiêu thống kê mức độ trang bị TSCĐ:

$$- \text{Mức độ trang bị TSCĐ} = \frac{\text{Tổng nguyên giá TSCĐ dùng vào SXKD trong kỳ}}{\text{Số lao động ở ca lớn nhất trong kỳ}}$$

4.3.2. Các chỉ tiêu thống kê hiệu quả sử dụng TSCĐ:

a. Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ:

* Hiệu quả sử dụng TSCĐ tính theo giá trị sản xuất (H):

$$H = \frac{\text{Giá trị sản xuất}}{\text{Giá trị TSCĐ bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đơn vị giá trị tài sản cố định bình quân khi tham gia vào quá trình sản xuất sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng giá trị sản xuất.

* Chi phí TSCĐ cho 1 đơn vị giá trị sản xuất (hiệu suất sử dụng TSCĐ (C):

$$C = \frac{\text{Giá trị TSCĐ bình quân}}{\text{Giá trị sản xuất}} = \frac{1}{H}$$

Chỉ tiêu này cho biết để sản xuất ra một đơn vị giá trị sản xuất cần phải chi phí bao nhiêu đơn vị giá trị TSCĐ bình quân.

* Hiệu quả sử dụng TSCĐ tính theo lợi nhuận : (H_L)

$$\text{Lợi nhuận}$$

$$H_L = \frac{\text{Giá trị TSCĐ bình quân}}{\text{Giá trị TSCĐ bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết một đơn vị TSCĐ tham gia vào quá trình sản xuất sẽ tạo ra được bao nhiêu đơn vị lợi nhuận.

b. Phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về TSCĐ đến chỉ tiêu phân tích:

* Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng TSCĐ:

Căn cứ vào phương trình kinh tế: $H = H \times d$

* Phân tích biến động của giá trị sản xuất (GO) do ảnh hưởng 2 nhân tố:

Căn cứ vào phương trình kinh tế: $GO = H \times \bar{G}$

* Phân tích biến động của giá trị sản xuất (GO) do ảnh hưởng 3 nhân tố:

Căn cứ vào phương trình kinh tế: $GO = H' \times d \times \bar{G}$

B. CÁC BÀI TẬP CƠ BẢN:

Bài số 1:

Một xí nghiệp cơ khí đầu năm 2002 đã mua và đưa vào sử dụng 10 máy tiện, giá mua mỗi máy là 20 triệu đồng, chi phí chuyên chở và lắp đặt của cả 10 máy hết 10 triệu đồng.

Đầu năm 2004 xí nghiệp mua thêm 15 máy tiện tương tự, giá mua mỗi máy 18 triệu đồng, chi phí vận chuyển lắp đặt chung cho cả 15 máy hết 30 triệu đồng. Biết rằng thời hạn sử dụng mỗi máy là 8 năm, tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và giá 1 máy tiện tại thời điểm đánh giá lại là 15 triệu đồng.

Yêu cầu: Xác định giá trị của 25 máy tiện tại doanh nghiệp cơ khí vào đầu năm 2006 theo giá:

1. Giá ban đầu hoàn toàn
2. Giá khôi phục hoàn toàn
3. Giá ban đầu còn lại
4. Giá khôi phục còn lại

Bài số 2:

Có số liệu về tình hình sử dụng thiết bị sản xuất của 1 doanh nghiệp dệt trong năm báo cáo như sau:

Đầu năm, tổng nguyên giá thiết bị sản xuất là 15.000 triệu đồng, trong năm xí nghiệp mua thêm 100 máy dệt mới với nguyên giá 50 triệu đồng/ cái và 20 máy kéo sợi đã dùng rồi của 1 doanh nghiệp khác với giá mua là 30 triệu đồng/ cái (biết rằng nguyên giá ban đầu là 70 triệu đồng/ cái) và bán bớt 20 máy dệt cũ còn 80% giá trị, cho một cơ sở dệt tư nhân với giá 10 triệu đồng/ cái, cho biết nguyên giá mỗi máy này khi mua là 20 triệu đồng/ cái. Ngoài ra doanh nghiệp còn bán thanh lý 50 máy dệt đã hết hạn sử dụng với giá 1 triệu đồng/ cái, được biết nguyên giá mỗi máy này là 20 triệu đồng / cái.

Yêu cầu: Hãy tính các chỉ tiêu sau trong năm báo cáo

1. Nguyên giá thiết bị sản xuất hiện có cuối năm?
2. Nguyên giá thiết bị sản xuất bình quân trong năm?

Bài số 3:

Một doanh nghiệp mua 01 TSCĐ A mới 100% và đưa vào hoạt động ngày 01/ 03/2004. Cho biết giá ghi trên hoá đơn là 135.000.000 đồng, chi phí vận chuyển là 10.000.000 đồng, chi phí lắp đặt chạy thử trước khi đưa vào sử dụng là 5.000.000 đồng, dự kiến thời gian sử dụng tài sản này là 5 năm.

Yêu cầu:

1. Tính mức khấu hao đó trong từng năm (theo phương pháp tuyến tính cố định)
2. Tính hệ số còn sử dụng được của tài sản cố định đó vào thời điểm cuối năm (thứ 1,2,3,4,5)?

Bài số 4:

Có tài liệu về tình hình TSCĐ của một doanh nghiệp trong năm báo cáo như sau: (Đơn vị tính: triệu đồng)

1. Tài sản cố định có đầu năm:
 - Tổng nguyên giá TSCĐ : 17.200
 - Tổng giá trị hao mòn đầu năm : 4.000
2. Tài sản cố định mới đưa vào sử dụng trong năm:
 - Tổng nguyên giá TSCĐ : 20.000
3. TSCĐ được nhận từ doanh nghiệp khác:
 - Tổng nguyên giá TSCĐ : 2.600
 - Giá trị hao mòn : 600
4. TSCĐ bị loại bỏ trong năm do cũ hỏng:
 - Tổng nguyên giá TSCĐ : 400
 - Giá trị hao mòn : 400
 - Giá bán thanh lý của các TSCĐ bị loại bỏ : 10
5. TSCĐ không cần dùng đem bán lại:
 - Tổng nguyên giá TSCĐ : 1.000
 - Giá trị hao mòn : 400
 - Giá bán các TSCĐ không cần dùng trên : 360
6. Tổng số tiền đã trích khấu hao TSCĐ trong năm : 6.400
7. Tổng số tiền nâng cấp sửa chữa TSCĐ nhận từ DN khác : 500

Yêu cầu:

1. Tính nguyên giá TSCĐ hiện có cuối năm (theo giá ban đầu và giá còn lại)?
2. Tính giá trị TSCĐ bình quân (\bar{G})
3. Tính các chỉ tiêu phản ánh tình hình biến động TSCĐ trong năm?

Bài số 5:

Có số liệu sau đây về tình hình sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp cơ khí A trong năm 2005. Đầu năm, giá ban đầu hoàn toàn của toàn bộ tài sản cố định là 8 tỷ đồng. Trong năm, doanh nghiệp tiến hành thanh lý 10 máy tiện cũ hỏng, mỗi máy có giá ban đầu hoàn toàn là 16.000.000 đồng/máy. Trong năm doanh nghiệp còn mua thêm 15 máy hàn mới với giá ban đầu hoàn toàn là 18.500.000 đồng/máy, và nhận từ một xí nghiệp trong ngành đã giải thể 05 máy tiện và 03 máy bào với giá ban đầu hoàn toàn là 14.800.000 đồng/ máy tiện 17.500.000 đồng/ máy bào.

Yêu cầu:

1. Lập bảng cân đối tài sản cố định
2. Tính các hệ số phản ánh tình hình biến động TSCĐ của doanh nghiệp?

Bài số 6:

Theo kết quả kiểm kê tài sản cố định của công trường 3/2 năm 2005 đã xác định: Đầu năm có 2,5 tỷ đồng theo giá ban đầu hoàn toàn, mức độ hao mòn đầu năm là 35%. Trong năm, công trường mua thêm một máy xúc mới đưa vào sản xuất, trị giá 180 triệu đồng. Chi phí vận chuyển, lắp đặt máy xúc trên là 5 triệu đồng và nhận bàn giao từ 1 xí nghiệp cùng ngành 1 phương tiện vận tải trị giá 100 triệu đồng, mức độ hao mòn TSCĐ này là 40%. Số tiền trích khấu hao trong năm là 140 triệu đồng. Ngoài ra, công trường còn thanh lý một số tài sản cố định đã cũ hỏng có giá trị ban đầu hoàn toàn là 20 triệu đồng và giá trị còn lại là 1 triệu đồng.

Yêu cầu:

1. Lập bảng cân đối tài sản cố định?
2. Tính các hệ số phản ánh tình hình biến động TSCĐ của công trường năm 2005?

Bài số 7:

Có số liệu về tình hình sản xuất và sử dụng TSCĐ của Xí nghiệp Dệt qua 2 tháng 3 và tháng 4 năm 2006 như sau:

* Tháng 3:

- | | |
|--|--------|
| 1. Giá trị sản xuất công nghiệp (triệu đồng) | : 400 |
| 2. Chi phí TSCĐ cho 1 đơn vị GTSX (triệu đồng) | : 12,5 |

* Tháng 4:

- | | |
|---|---------|
| 1. Giá trị sản xuất công nghiệp (triệu đồng) | : 405,9 |
| 2. Tình hình sử dụng TSCĐ (triệu đồng) | |
| - Giá trị TSCĐ có ngày 1/4 | : 4.050 |
| - Ngày 5/4 mua thêm 1 số MMTB trị giá | : 550 |
| - Ngày 17/4 nhận bàn giao của C.Ty X 1 TB trị giá | : 200 |
| - Ngày 25 /4 Thanh lý một số TSCĐ trị giá | : 550 |

Và số liệu không thay đổi cho đến hết tháng 4

Yêu cầu: Phân tích tình hình biến động của chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp của xí nghiệp tháng 4 so với tháng 3 do ảnh hưởng 2 nhân tố: Hiệu quả sử dụng TSCĐ (H) và giá trị TSCĐ bình quân (\bar{G})?

Bài số 8:

Có số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của xí nghiệp cơ khí X trong năm 2005 như sau: (số liệu tính theo giá cố định - Đvt: 1.000 đồng)

I. Tình hình sản xuất:

Giá trị sản xuất (GO): quý I: 298.850, quý II: 304.200

II. Tình hình sử dụng TSCĐ (1.000 đồng)

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - TSCĐ có đầu quý I | : 430.000 |
| - TSCĐ tăng trong quý I | : 250.000 |
| - TSCĐ tăng trong quý II | : 166.000 |
| - TSCĐ giảm trong quý I | : 310.000 |
| - TSCĐ giảm trong quý II | : 94.800 |

Yêu cầu:

1. Tính các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ trong từng quý?

2. Phân tích tình hình biến động giá trị sản xuất công nghiệp quý II so quý I do ảnh hưởng của 2 nhân tố: Hiệu quả sử dụng tài sản cố định (H) và giá trị tài sản cố định bình quân(\bar{G})

Bài số 9:

Có số liệu sau đây về tình hình sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp Y:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo
1. Giá trị sản xuất theo giá cố định (GO)	1.000	900
2. Giá trị tài sản cố định bình quân (\bar{G})	1.250	1.200
Trong đó:		
Tài sản cố định trực tiếp sản xuất	937,5	840

Yêu cầu:

- So sánh hiệu năng sử dụng tài sản cố định giữa 2 kỳ ?
- Phân tích biến động hiệu quả sử dụng TSCĐ (H) giữa 2 kỳ do ảnh hưởng bởi 2 nhân tố: Hiệu quả sử dụng TSCĐ trực tiếp sản xuất (H'), và tỷ trọng TSCĐ trực tiếp sản xuất chiếm trong toàn bộ TSCĐ (d)

Bài số 10:

Có số liệu về tình hình sản xuất và sử dụng TSCĐ của một nhà máy dệt trong 2 năm 2004 và 2005 như sau:

*Năm 2004:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 27.900 triệu đồng
- Nguyên giá TSCĐ hiện có đầu năm 32.000 triệu đồng trong đó nguyên giá thiết bị sản xuất 24.000 triệu đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hiện có cuối năm 30.000 triệu đồng trong đó nguyên giá thiết bị sản xuất 22.000 triệu đồng

* Năm 2005:

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 10% so với năm 2004.
- Nguyên giá TSCĐ hiện có cuối năm 38.000 triệu đồng.
- Tình hình tăng giảm thiết bị sản xuất:

Trong năm 2005 mua thêm 80 máy dệt với nguyên giá 50 triệu đồng/ cái, 25 máy kéo sợi với giá mua 20 triệu đồng/ cái. Và bán bớt 20 máy dệt cũ với giá bán 10 triệu đồng/ cái, biết rằng nguyên giá của máy dệt là 25 triệu đồng/ cái, đồng thời thanh lý 50 máy dệt đã hết hạn sử dụng, nguyên giá mỗi máy là 20 triệu đồng / cái .

Yêu cầu: Hãy tính các chỉ tiêu sau cho từng năm:

- Nguyên giá tài sản cố định bình quân ?
- Nguyên giá thiết bị sản xuất bình quân ?
- Tỷ trọng thiết bị sản xuất chiếm trong tổng số TSCĐ?
- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định ?
- Hiệu quả sử dụng thiết bị sản xuất?
- Phân tích tình hình biến động của hiệu quả sử dụng TSCĐ năm 2005 so với năm 2004 do ảnh hưởng 2 nhân tố: hiệu quả sử dụng thiết bị sản xuất và tỷ trọng của TBSX chiếm trong tổng tài sản cố định của nhà máy?

7. Phân tích tình hình biến động của giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 so với năm 2004 của nhà máy dệt do ảnh hưởng 3 nhân tố: hiệu quả sử dụng thiết bị sản xuất và tỷ trọng của TBSX chiếm trong tổng tài sản cố định của nhà máy và giá trị TSCĐ bình quân?

Bài số 11:

Có tài liệu thống kê của một doanh nghiệp trong 2 kỳ như sau:

(ĐVT: 1.000 đồng)

Chỉ tiêu	Kỳ gốc	Kỳ báo cáo
1. Giá trị sản xuất (GO)	8.000	8.800
2. Giá trị tài sản cố định bình quân	4.000	4.600

Yêu cầu: Hãy phân tích tình hình biến động của giá trị tài sản cố định bình quân do ảnh hưởng của 2 nhân tố : Hiệu suất sử dụng TSCĐ (C) và giá trị sản xuất(GO).

Bài số 12:

Một TSCĐ bắt đầu đưa vào sử dụng đầu năm 2001 có giá ban đầu hoàn toàn là 120 triệu đồng. Thời hạn sử dụng của tài sản đó là 10 năm. Biết rằng, sau khi đào thải thì giá trị có thể thu hồi lại từ tài sản đó là 5 triệu đồng và chi phí thanh lý khi loại bỏ TSCĐ là 1 triệu đồng.

Yêu cầu: Tính các chỉ tiêu sau:

1. Tính mức khấu hao TSCĐ cho từng năm?
2. Tính tỷ lệ khấu hao và hệ số còn sử dụng được của TSCĐ đó vào cuối năm?
3. Tính giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản đó vào cuối năm?

Bài số 13:

Có tài liệu của một doanh nghiệp dưới đây:

1. Nguyên giá TSCĐ có ở đầu năm theo giá ban đầu hoàn toàn là 1.040 triệu đồng
2. Hệ số hao mòn chung của tất cả TSCĐ có ở đầu năm là 30%.
3. Giá ban đầu hoàn toàn của TSCĐ mới đưa vào sử dụng trong năm ở tình trạng mới nguyên.
 - + Vào ngày 01/3 : 320 triệu đồng
 - + Vào ngày 01/6 : 100 triệu đồng
4. Giá trị TSCĐ bị loại bỏ từ ngày 01/7 :
 - + Theo giá ban đầu hoàn toàn : 130 triệu đồng
 - + Theo giá ban đầu còn lại : 8 triệu đồng
5. Giá trị sản xuất cả năm của DN là 18.400 triệu đồng
6. Số lao động bình quân là 200 công nhân.

Yêu cầu xác định:

1. Giá trị TSCĐ hiện có cuối năm (theo giá ban đầu hoàn toàn và ban đầu còn lại)?
2. Giá trị TSCĐ bình quân trong năm?
3. Hệ số: tăng, giảm, đổi mới, loại bỏ TSCĐ trong năm?

4. Tính các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ?

5. Tính mức độ trang bị TSCĐ bình quân cho người lao động?

Biết rằng: Doanh nghiệp sử dụng phương pháp khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao bình quân năm là 10%.

Bài số 14:

Có tài liệu về tình hình một DN trong năm báo cáo như sau:

1. Giá trị sản xuất: 46.617 triệu đồng

2. Tình hình TSCĐ: (triệu đồng)

* Nguyên giá TSCĐ hiện có đầu năm:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 1.221

- Máy móc thiết bị: 8473,5

- Thiết bị động lực: 550,5

- Phương tiện vận tải: 5.097

- Dụng cụ quản lý: 414

* Tổng khấu hao lũy kế của TSCĐ có đầu năm:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 780

- Máy móc thiết bị: 4.716

- Thiết bị động lực: 288

- Phương tiện vận tải: 3169,5

- Dụng cụ quản lý: 156.

* Nguyên giá TSCĐ mua sắm mới trong năm:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 68

- Máy móc thiết bị: 408

- Phương tiện vận tải: 1.068

- Dụng cụ quản lý: 150

* Nguyên giá một thiết bị sản xuất không cần dùng đem bán lại 150 triệu đồng, giá bán lại là 60 triệu đồng, tổng khấu hao lũy kế đến thời điểm bán lại của TSCĐ này là 50 triệu đồng.

* Nguyên giá một xe tải bị loại bỏ trong năm do khấu hao hết 500 triệu đồng.

* Tổng giá trị khấu hao TSCĐ trong năm báo cáo:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 64,5

- Máy móc thiết bị: 952

- Thiết bị động lực: 57

- Phương tiện vận tải: 564

- Dụng cụ quản lý: 61,5

Yêu cầu:

1. Tính các chỉ tiêu phản ảnh quy mô TSCĐ (tính cho từng nhóm TSCĐ và tính chung cho toàn bộ TSCĐ) sau:

a. Nguyên giá TSCĐ hiện có cuối năm?

b. Nguyên giá TSCĐ bình quân năm?

2. Tính chỉ tiêu kết cấu TSCĐ (theo giá trị TSCĐ bình quân trong năm)?

3. Tính các chỉ tiêu phản ảnh biến động TSCĐ trong năm ?

4. Tính các chỉ tiêu phản ảnh hiện trạng của TSCĐ hiện có tại thời điểm cuối năm ?

a. Tổng khấu hao lũy kế TSCĐ?

b. Giá trị còn lại TSCĐ?

- c. Hệ số hao mòn TSCĐ?
- d. Hệ số còn dùng được TSCĐ?
- 5. Tính các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng TSCĐ trong năm báo cáo?
 - a. Hiệu năng sử dụng TSCĐ?
 - b. Chi phí TSCĐ cho một đồng giá trị sản xuất?

Bài số 15:

Có tài liệu về tình hình của một loại thiết bị Y tại Xí nghiệp May xuất khẩu trong tháng 10 năm 2005 như sau:

- Ngày 01/10 có 50 máy đang làm việc thực tế
- Ngày 05/10 có 03 máy hỏng đột xuất phải ngừng việc để sửa chữa
- Ngày 11/10 mua thêm 20 máy và đưa vào sử dụng 15 máy, 05 máy dự phòng, đồng thời loại bỏ 04 máy đã cũ hỏng hết hạn sử dụng.
- Ngày 16/10 mua thêm 10 máy đã sử dụng (đã hao mòn đến 30% giá trị) và đưa ngay vào sử dụng.
- Ngày 21/10 05 máy hỏng, ngày 05/10 đã làm việc trở lại

Yêu cầu: Tính số lượng thiết bị hiện có bình quân, thiết bị đã lắp bình quân, thiết bị thực tế đang làm việc bình quân ?